

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-BPC ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm và mức phụ cấp kiêm nhiệm; chế độ hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Thôn, tổ dân phố tại Nghị quyết này được xác định, thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- b) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm 03 chức danh sau:

- a) Bí thư Chi bộ;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố;
- c) Trưởng Ban công tác mặt trận.

2. Số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

a) Số lượng, chức danh Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng Tổ dân phố; Phó Trưởng Ban công tác mặt trận:

- Đối với thôn có dưới 1200 hộ gia đình, tổ dân phố có dưới 1650 hộ gia đình (hộ gia đình thường trú theo dữ liệu dân cư được cơ quan có thẩm quyền xác nhận): Có tối đa 03 người.

- Đối với thôn có từ 1200 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1650 hộ gia đình trở lên (hộ gia đình thường trú theo dữ liệu dân cư được cơ quan có thẩm quyền xác nhận); thôn, tổ dân phố trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc khu vực biên giới, thôn đặc biệt khó khăn: Có tối đa 04 người.

Tùy theo nhu cầu, nhiệm vụ cụ thể, cấp ủy, chính quyền địa phương quyết định số lượng cho từng chức danh cụ thể đảm bảo không vượt quá quy định nêu trên.

b) Số lượng, chức danh ở các Chi hội đoàn thể:

- Bí thư Chi đoàn, Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh.

- Phó các tổ chức thuộc mỗi Chi hội đoàn thể (Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội Hội Nông dân, Chi hội Hội Cựu chiến binh): 01 người/01 Chi hội.

c) Người trực tiếp giúp Bí thư Chi bộ đối với các thôn, tổ dân phố bố trí Bí thư kiêm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận: 01 người.

Điều 3. Một số chế độ chính sách

1. Mức phụ cấp, hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên (hộ gia đình thường trú theo dữ liệu dân cư được cơ quan có thẩm quyền xác nhận); thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, thôn đặc biệt khó khăn: Mức phụ cấp bằng $2,67 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Mức phụ cấp bằng $2,17 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

d) Mức phụ cấp theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này dùng để đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Đối với chức danh: Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng Tổ dân phố; Phó Trưởng Ban công tác mặt trận: Mức hỗ trợ bằng $1,4 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế 100% theo quy định.

b) Đối với các chức danh: Bí thư Chi đoàn; Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh: Mức hỗ trợ bằng $0,5 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Đối với các chức danh: Phó các tổ chức thuộc mỗi Chi hội đoàn thể (Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội Hội Nông dân, Chi hội Hội Cựu chiến binh): Mức hỗ trợ bằng $0,3 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng.

d) Người trực tiếp giúp Bí thư Chi bộ đối với các thôn, tổ dân phố bố trí Bí thư kiêm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận: Mức hỗ trợ bằng $0,3 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 4. Việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm

1. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố giảm 01 người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thì hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp hằng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố giảm 01 người quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này thì hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức hỗ trợ hằng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

2. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất; phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ thôi việc (nếu có).

3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố: Không được hưởng chính sách phụ cấp, hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Khuyến khích, ưu tiên người trong độ tuổi lao động, người có trình độ chuyên môn để bố trí, lựa chọn làm người hoạt động không chuyên trách hoặc chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Hỗ trợ thôi việc

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố theo quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 quy định về tinh giản biên chế.

2. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc và đã được hưởng chế độ, chính sách hỗ trợ theo quy định, nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc bố trí làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện tinh giản biên chế thì phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả trợ cấp.

3. Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ khi thôi làm chức danh không chuyên trách

a) Thời gian được tính hưởng hỗ trợ thôi không làm chức danh người hoạt động không chuyên trách bao gồm toàn bộ thời gian giữ các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trước sắp xếp (nếu có), ở thôn, tổ dân phố chưa nhận hỗ trợ thôi việc. Nếu thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn;

b) Thời gian công tác nếu có số tháng lẻ thì được tính làm tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2026; thay thế Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành của thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Công thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh